**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP.HCM**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**MÔN LẬP TRÌNH WEB**



|  |  |
| --- | --- |
| **NGUYỄN ĐỨC THÀNH** | **22110416** |
| **LÊ ANH TÚ** | **22110453** |
| **TRƯƠNG QUỐC VƯƠNG** | **22110460** |

Đề Tài:

**WEB BÁN QUẦN ÁO**

**BÁO CÁO CUỐI KÌ NHÓM 12**

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

**TRƯƠNG THỊ KHÁNH DỊP**

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2024

**LỜI CẢM ƠN**

Trước hết, chúng em muốn bày tỏ lòng biết ơn chân thành nhất đến Cô Trương Thị Khánh Dịp - người cô đã dành sự quan tâm và hỗ trợ đặc biệt trong suốt quá trình học tập và thực hiện Đồ án cuối kì của chúng em. Sự hướng dẫn tận tình và lòng tâm huyết của cô đã giúp chúng em tích lũy được kiến thức quý báu và mở rộng cái nhìn về vấn đề, từ đó hoàn thiện bản thân không chỉ trong học tập mà còn trong cuộc sống hàng ngày. Những kiến thức và kinh nghiệm mà cô đã truyền đạt là nền tảng vững chắc để chúng em hoàn thiện bài báo cáo đồ án tốt nghiệp về đề tài xây dựng website bán quần áo.

Chúng em cũng xin gửi lời cảm ơn đặc biệt tới Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh vì đã tạo điều kiện thuận lợi cho chúng em trong việc đăng ký đề tài, chọn giáo viên hướng dẫn, và cung cấp sự hỗ trợ tận tình, giải đáp mọi thắc mắc trong suốt quá trình thực hiện đồ án.

Chúng em nhận thức rằng kiến thức là vô hạn, và sự tiếp thu của mỗi người luôn tồn tại những hạn chế và thiếu sót nhất định. Vì vậy, trong quá trình thực hiện và hoàn thiện sản phẩm, cũng như viết báo cáo, chúng em luôn sẵn sàng tiếp nhận và mong đợi những góp ý xây dựng từ cô để có thể nâng cao chất lượng sản phẩm và củng cố kiến thức, chuẩn bị hành trang cho các dự án thực tế trong tương lai.

Cuối cùng, chúng em xin kính chúc cô luôn dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công trên con đường sự nghiệp giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Xin chân thành cảm ơn cô!

|  |  |
| --- | --- |
| Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM  Khoa : CNTT |  |

**ĐỀ CƯƠNG ĐỒ ÁN CUỐI KÌ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và Tên SV thực hiện 1: | Nguyễn Đức Thành | MSSV: 22110416 |
| Họ và Tên SV thực hiện 2: | Lê Anh Tú | MSSV: 22110453 |
| Họ và Tên SV thực hiện 3: | Trương Quốc Vương | MSSV: 22110460 |
| Thời gian làm đồ án: Từ: tháng 10/2024 Đến: tháng 12/2024 | | |

Chuyên ngành: Công nghệ phần mềm

Tên đồ án: Xây dựng website bán quần áo

GV hướng dẫn: Trương Thị Khánh Dịp

**Nhiệm Vụ Của Đồ Án :**

1. Tìm hiểu và phân tích yêu cầu của hệ thống:

* Xác định các tính năng và chức năng cần thiết để hỗ trợ quá trình quản lý đề tài.

1. Thiết kế cơ sở dữ liệu:

* Xây dựng mô hình cơ sở dữ liệu phản ánh cấu trúc thông tin của đề tài khóa luận.
* Đảm bảo tính toàn vẹn và quan hệ giữa các bảng dữ liệu để hỗ trợ việc truy xuất thông tin một cách hiệu quả.

1. Phát triển website:

* Sử dụng các công nghệ phát triển web hiện đại để xây dựng giao diện người dùng thân thiện và dễ sử dụng.
* Triển khai các tính năng quản lý đề tài.

1. Bảo mật thông tin:

* Xây dựng các lớp bảo mật để đảm bảo rằng chỉ người dùng có quyền mới có thể truy cập và chỉnh sửa thông tin đề tài.
* Áp dụng các biện pháp an ninh để ngăn chặn sự truy cập trái phép và bảo vệ dữ liệu người dùng.

1. Kiểm thử và đánh giá:

* Thực hiện kiểm thử hệ thống để đảm bảo tính ổn định và đáp ứng đúng các yêu cầu.
* Thu thập phản hồi từ người dùng để cải thiện giao diện và tính năng của website.

1. Hướng dẫn sử dụng:

* Tạo tài liệu hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ người quản trị và người sử dụng cuối trong việc triển khai và sử dụng hệ thống một cách hiệu quả.

Đề cương viết luận văn :

**MỤC LỤC**

**1. Phần MỞ ĐẦU**

Chương 1: Tổng quan

* 1. Tính cấp thiết của đề tài
  2. Đối tượng nghiên cứu
  3. Phạm vi nghiên cứu
  4. Kết quả nghiên cứu
  5. Bảng phân công công việc

**2. Phần NỘI DUNG**

Chương 2: Cơ sở lý thuyết

* 1. Kiến trúc hệ thống
     1. <>
     2. <>
     3. <>
     4. <>
  2. <>
     1. <>
     2. <>
     3. <>
     4. <>
  3. <>
     1. <>
     2. <>
     3. <>
     4. <>
  4. <>
     1. <>
     2. <>
     3. <>
     4. <>
  5. <>

Chương 3: <>

* 1. <>
     1. <>
     2. <>
     3. <>
  2. <>
     1. <>
     2. <>
  3. <>

Chương 4: <>

* 1. <>
     1. <>
  2. <>

Chương 5: <>

* 1. <>
     1. <>
     2. <>
  2. <>

Chương 6: <>

* 1. <>
     1. <>
     2. <>
  2. <>

**3. Phần KẾT LUẬN**

Chương 7: Tổng kết

* 1. Kết quả đạt được
  2. Thông tin về project
     1. Các đường link source code
     2. Deloy hệ thống
        1. Back-end
  3. Đánh giá hệ thống
     1. Ưu điểm
     2. Nhược điểm
     3. Hướng phát triển

**4. Danh mục tài liệu tham khảo**

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thời gian** | **Công việc** | **Ghi chú** |
| **1** |  |  |  |
| **2** |  |  |  |
| **3** |  |  |  |
| **4** |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Tp. Hồ Chí Minh, ngày .... tháng .... năm 2023*  **Người viết đề cương** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Ý kiến của giáo viên hướng dẫn**  **(ký và ghi rõ họ tên)** |  |

# MỤC LỤC

[MỤC LỤC 1](#_Toc184247426)

[PHẦN MỞ ĐẦU 1](#_Toc184247427)

[Chương 1: Tổng quan 1](#_Toc184247428)

[1.1. Lý do chọn đề tài 1](#_Toc184247429)

[1.2. Tính cấp thiết của đề tài 1](#_Toc184247430)

[1.3. Phương pháp nghiên cứu 1](#_Toc184247431)

[1.4. Kết cấu 2](#_Toc184247432)

[PHẦN NỘI DUNG 3](#_Toc184247433)

[CHƯƠNG 1:XÁC ĐỊNH NHỮNG THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ CỦA QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ ĐƯA RA HƯỚNG GIẢI QUYẾT 3](#_Toc184247434)

[1.1. Khái niệm và vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. 3](#_Toc184247435)

[1.1.1. Khái niệm 3](#_Toc184247436)

[1.1.2. Vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. 3](#_Toc184247437)

[1.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới. 4](#_Toc184247438)

[1.3.Thành tựu và hạn chế của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới. 6](#_Toc184247439)

[1.3.1. Thành tựu 6](#_Toc184247440)

[1.3.2. Hạn chế 9](#_Toc184247441)

[1.4. Một số giải pháp đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở 11](#_Toc184247442)

[Việt Nam thời kỳ đổi mới. 11](#_Toc184247443)

[CHƯƠNG 2: TRÁCH NHIỆM VÀ NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI. 17](#_Toc184247444)

[2.1.  Nêu nhận thức của sinh viên về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt 17](#_Toc184247445)

[Nam thời kỳ đổi mới. 17](#_Toc184247446)

[2.2. Trách nhiệm của sinh viên về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới. 19](#_Toc184247447)

[KẾT LUẬN 20](#_Toc184247448)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 21](#_Toc184247449)

# PHẦN MỞ ĐẦU

## Chương 1: Tổng quan

### Lý do chọn đề tài

Hiện nay, nhu cầu mua sắm quần áo tại Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, với một thị trường rộng lớn, sôi động và đa dạng nhờ dân số đông đảo. Cùng với sự phát triển của công nghệ, việc sở hữu một website bán quần áo trở nên vô cùng cần thiết, đặc biệt khi Internet đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày.

Website bán quần áo không chỉ giúp xây dựng thương hiệu độc quyền mà còn mang lại nhiều lợi ích như giảm sự phụ thuộc vào các sàn thương mại điện tử, tối ưu hóa lợi nhuận, nâng cao trải nghiệm người dùng, và thu thập dữ liệu khách hàng chính xác hơn. Đây là những yếu tố quan trọng để doanh nghiệp có thể cạnh tranh và phát triển bền vững trong thị trường thời trang.

Nhằm tận dụng những lợi ích to lớn này, nhóm chúng em mong muốn xây dựng một hệ thống website bán quần áo hoàn chỉnh, không chỉ phục vụ nhu cầu mua sắm mà còn đóng góp vào sự phát triển của lĩnh vực thương mại điện tử tại Việt Nam.

### Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng website bán quần áo tại Việt Nam xuất phát từ sự phát triển mạnh mẽ của thị trường thời trang và xu hướng tiêu dùng trực tuyến. Với dân số đông và tỷ lệ người trẻ cao, nhu cầu mua sắm online ngày càng phổ biến nhờ tính tiện lợi, đa dạng sản phẩm và các chương trình ưu đãi hấp dẫn. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, việc sở hữu một website riêng không chỉ giúp doanh nghiệp xây dựng thương hiệu độc quyền mà còn giảm phụ thuộc vào các nền tảng thương mại điện tử trung gian, tối ưu hóa lợi nhuận và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Đồng thời, website còn hỗ trợ doanh nghiệp thu thập dữ liệu khách hàng một cách chính xác, tối ưu các chiến lược kinh doanh, và tiếp cận thị trường rộng lớn hơn, cả trong nước lẫn quốc tế. Chính vì thế, xây dựng website bán quần áo không chỉ là một xu hướng mà còn là một yếu tố then chốt để phát triển bền vững trong lĩnh vực thời trang tại Việt Nam.

### Phương pháp nghiên cứu

Trước hết, phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp được sử dụng để thu thập và phân tích các nguồn tư liệu như sách, báo, báo cáo của Đảng và Nhà nước, cùng các công trình khoa học liên quan. Phương pháp lịch sử cũng đóng vai trò quan trọng, giúp xác định và phân tích các sự kiện và diễn biến qua các giai đoạn từ năm 1986 đến nay, qua đó làm rõ các thay đổi trong chính sách và chiến lược phát triển công nghiệp. Bên cạnh đó, phương pháp phân tích – tổng hợp giúp tổng hợp và phân tích các số liệu thống kê về tăng trưởng kinh tế, đóng góp của ngành công nghiệp vào GDP, đầu tư nước ngoài, cũng như năng suất lao động. Để đánh giá khách quan hơn, phương pháp so sánh được áp dụng để đối chiếu Việt Nam với các quốc gia trong khu vực hoặc so sánh giữa các giai đoạn phát triển khác nhau. Ngoài ra, nếu có điều kiện, phỏng vấn chuyên gia và khảo sát thực tiễn có thể cung cấp thêm góc nhìn về hiệu quả của các chính sách từ các nhà hoạch định chính sách và doanh nghiệp. Cuối cùng, phân tích chính sách giúp xem xét các yếu tố tác động như thể chế, tài chính, công nghệ, từ đó làm rõ thêm thành tựu và hạn chế của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.

### Kết cấu

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu than khảo, đề tài được kết cấu thành 2 chương, bao gồm:

Chương 1. Xác định những thành tựu và hạn chế của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đưa ra hướng giải quyết.

Chương 2.Trách nhiệm và nhận thức của sinh viên về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới.

# PHẦN NỘI DUNG

# CHƯƠNG 1:XÁC ĐỊNH NHỮNG THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ CỦA QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ ĐƯA RA HƯỚNG GIẢI QUYẾT

## 1.1. Khái niệm và vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

### 1.1.1. Khái niệm

Công nghiệp hóa là quá trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất từ việc sử dụng lao động thủ công sang áp dụng cơ giới hóa và tự động hóa. Đây là một quá trình tất yếu nhằm gia tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp trong tổng thể nền kinh tế, từ đó thúc đẩy sự chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp. Quá trình công nghiệp hóa không chỉ tạo ra sự tăng trưởng trong sản xuất và lao động, mà còn gắn liền với sự phát triển của khoa học công nghệ và thay đổi trong tư duy xã hội.

Hiện đại hóa là sự áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, quản lý và kinh doanh, nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động. Quá trình này biểu hiện qua sự thay thế lao động thủ công bằng lao động kỹ thuật có sự hỗ trợ của công nghệ hiện đại, giúp nền kinh tế phát triển nhanh chóng và bền vững.

### 1.1.2. Vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước có vai trò vô cùng quan trọng, góp phần tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và nâng cao năng suất lao động xã hội. Việc này không chỉ thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế mà còn giải quyết được bài toán việc làm cho người lao động, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, từ đó ổn định xã hội và phát triển bền vững.

Thông qua quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đất nước tạo ra một lực lượng sản xuất mới, có trình độ công nghệ cao và khả năng sáng tạo. Đây là nền tảng giúp xây dựng và củng cố vững chắc các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đồng thời tăng cường mối quan hệ đoàn kết giữa các giai tầng trong xã hội, đặc biệt là giữa công nhân, nông dân và trí thức – những lực lượng nòng cốt trong công cuộc xây dựng đất nước. Sự gắn bó chặt chẽ giữa các thành phần này không chỉ tăng cường sức mạnh nội tại của xã hội mà còn tạo ra động lực thúc đẩy các mục tiêu phát triển quốc gia trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

Ngoài ra, công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn đóng vai trò thiết yếu trong việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, tạo nền tảng vững chắc cho một nền kinh tế độc lập, tự chủ. Đây chính là yếu tố quan trọng để Việt Nam có thể phát triển một cách bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Đồng thời, quá trình này cũng giúp củng cố và tăng cường năng lực quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ lợi ích và chủ quyền dân tộc, tạo thế đứng vững chắc cho Việt Nam trên trường quốc tế. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì thế, là một động lực chiến lược và toàn diện, góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng một Việt Nam giàu mạnh, thịnh vượng, và hội nhập vững chắc với thế giới.

## 1.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời kỳ đổi mới phản ánh một quá trình phát triển tư duy lý luận liên tục, thích ứng với những biến đổi của thời đại và điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Trải qua các kỳ Đại hội, các chủ trương về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã liên tục được bổ sung, hoàn thiện nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng Việt Nam trở thành một nước phát triển, có thu nhập cao, với nền kinh tế độc lập, tự chủ, hội nhập sâu rộng.

*Thứ nhất*, Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt quá trình đổi mới.

Đảng xác định công nghiệp hóa, hiện đại hóa là con đường bắt buộc để đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp hiện đại, đạt mức thu nhập cao, và có khả năng chống chịu, thích ứng với các biến động bên ngoài.Đảng nhấn mạnh tầm quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, khoa học công nghệ, và đổi mới sáng tạo trên nền tảng những thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đặc biệt, đây là phương tiện để đạt đến sự phát triển bền vững, tiến bộ xã hội và cải thiện đời sống của nhân dân.

*Thứ hai*, Phát huy nội lực, tăng cường sự độc lập tự chủ của nền kinh tế.

Đảng nhấn mạnh phát huy nội lực là yếu tố quyết định, trong đó nguồn lực trong nước bao gồm doanh nghiệp nhà nước và tư nhân là chủ đạo, doanh nghiệp FDI đóng vai trò quan trọng.Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải gắn với xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ, có đủ khả năng đối phó với các thách thức bên ngoài, đồng thời chủ động hội nhập kinh tế quốc tế một cách hiệu quả.

*Thứ ba,* lấy con người làm trung tâm, doanh nghiệp làm chủ.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ là việc phát triển công nghiệp hay xây dựng hạ tầng mà còn tập trung vào con người, coi con người là trung tâm và động lực cho phát triển.Đảng đề cao vai trò của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp trong nước, trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chính doanh nghiệp là đầu tàu trong ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi sang các hoạt động sản xuất có giá trị cao hơn.

*Thứ tư*, Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là yếu tố quyết định.Đảng khẳng định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo là chìa khóa thành công, chuyển đổi số được coi là phương thức đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.Trong đó, Đảng khuyến khích chuyển đổi từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, thiết kế, sản xuất; tập trung phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao và đẩy mạnh số hóa các ngành công nghiệp.

*Thứ năm*, Phát triển đồng bộ và bền vững với sự hài hòa kinh tế - xã hội - môi trường.Công nghiệp hóa, hiện đại hóa được đặt trong chiến lược phát triển đồng bộ, toàn diện, gắn với phát triển nông nghiệp, đô thị hóa, bảo vệ tài nguyên và môi trường.Đảng nhấn mạnh mục tiêu phát triển bền vững, yêu cầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải đảm bảo cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình phát triển.

*Thứ sáu*, Chuyển đổi số là phương pháp đột phá.

Đảng coi chuyển đổi số là phương thức để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từ đó giúp nền kinh tế Việt Nam nhanh chóng đạt được trình độ của một quốc gia công nghiệp hiện đại.Nghị quyết số 29-NQ/TW (2022) xác định chuyển đổi số là một trong những giải pháp đột phá, đặc biệt trong các ngành công nghiệp chế tạo, chế biến, dịch vụ và nông nghiệp.

*Thứ bảy*, Hội nhập quốc tế chủ động và hiệu quả.

Đảng chủ trương rằng quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa không thể tiến hành biệt lập mà phải kết nối chặt chẽ với chuỗi sản xuất, kinh doanh toàn cầu. Việt Nam cần tận dụng hiệu quả các cơ hội từ hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.Hội nhập quốc tế không chỉ là việc thu hút đầu tư mà còn là tăng cường sức cạnh tranh, nâng cao năng lực nội tại của nền kinh tế.

*Thứ tám*, Phát triển toàn diện các lĩnh vực và lĩnh vực kinh tế quan trọng.

Đảng xác định công nghiệp chế tạo, chế biến là then chốt, bên cạnh đó cũng tập trung phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, bền vững.Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên để tạo nền tảng vững chắc, đảm bảo an ninh lương thực và phát huy vai trò của nông nghiệp, nông thôn trong phát triển đất nước.Qua hơn 35 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát triển, bổ sung các quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa với những điều chỉnh quan trọng phù hợp với bối cảnh thực tế, chú trọng phát triển đồng bộ, bền vững dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các quan điểm trên cho thấy một định hướng rõ ràng nhằm thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam vươn lên mạnh mẽ, xây dựng một đất nước phát triển với nền kinh tế độc lập, tự chủ, và đạt mức thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**1.3.Thành tựu và hạn chế của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới.**

### 1.3.1. Thành tựu

Đầu tiên, Việt Nam đã đạt nhiều cải thiện đáng kể về chất lượng tăng trưởng kinh tế.Trong quá trình chuyển từ một nền kinh tế bao cấp, lạc hậu sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đã dần khẳng định vai trò của mình trên bản đồ kinh tế thế giới. Không chỉ tăng trưởng về quy mô, mà chất lượng phát triển kinh tế cũng không ngừng được nâng cao, giúp cải thiện đời sống cả về mặt vật chất lẫn tinh thần cho người dân.

Ở giai đoạn khởi đầu của công cuộc đổi mới (1986 - 1990), tăng trưởng GDP của Việt Nam trung bình đạt 4,4% mỗi năm. Sang 5 năm tiếp theo (1991 - 1995), tăng trưởng GDP đã vươn lên mức 8,2% mỗi năm, vượt xa mục tiêu đề ra ban đầu là từ 5,5% đến 6,5%, và nằm trong nhóm các nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng cao. Mặc dù chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á vào cuối thập niên 90, Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng GDP bình quân 6,9% trong giai đoạn 1996 - 2000, một kết quả khả quan trong bối cảnh khu vực. Từ 2016 đến 2019, GDP tiếp tục tăng trung bình 6,8% mỗi năm. Dù chịu tác động lớn từ đại dịch COVID-19 trong năm 2020 và 2021, Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng dương với mức lần lượt là 2,91% và 2,56%, thuộc nhóm ít quốc gia có thể tăng trưởng trong thời điểm đó. Đến năm 2022, sau khi đại dịch lắng dịu, nền kinh tế đã bứt phá với tốc độ tăng trưởng đạt 8,02%.

Trước giai đoạn đổi mới, Việt Nam chủ yếu là nước nông nghiệp với thu nhập bình quân đầu người rất thấp và phần lớn dân số trong cảnh nghèo khó. Tuy nhiên, qua quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, Việt Nam đã vươn lên thành quốc gia có thu nhập trung bình thấp, từng bước nâng cao mức sống của người dân và giảm tỷ lệ đói nghèo.

*Thứ hai,* tỷ lệ đói nghèo đã giảm rõ rệt.Nhờ nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ, tỷ lệ nghèo đói tại Việt Nam có sự sụt giảm đáng kể. Năm 2006, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc tế tại Việt Nam là 18,1%, và kết quả này đã được cộng đồng quốc tế công nhận như một bước tiến quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo. Trong giai đoạn 2002 - 2019, thu nhập bình quân đầu người đã tăng gấp 2,7 lần, đạt hơn 2.700 USD vào năm 2019, giúp trên 45 triệu người thoát khỏi cảnh nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo cũng đã giảm mạnh từ hơn 70% xuống dưới 6%, nếu tính theo ngưỡng nghèo 3,2 USD/ngày tính theo sức mua tương đương.

*Thứ ba*, nền kinh tế đã mở rộng quy mô đáng kể.Quy mô nền kinh tế Việt Nam đã có sự tăng trưởng vượt bậc, từ 446 nghìn tỷ đồng năm 1986 lên 4.502,7 nghìn tỷ đồng vào năm 2016 (khoảng 205,3 tỷ USD). Đến năm 2018, con số này đạt 5.542,3 nghìn tỷ đồng (tương đương 245,2 tỷ USD), và đến năm 2020, GDP đã tăng lên 6.293,1 nghìn tỷ đồng (271,2 tỷ USD), lớn gấp 1,5 lần so với năm 2015. Đặc biệt, vào năm 2022, GDP đạt mức 9.513 nghìn tỷ đồng (409 tỷ USD), đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới.

*Thứ tư*, năng suất lao động đã được cải thiện đáng kể.Trong giai đoạn 2006 - 2010, năng suất lao động của Việt Nam tăng trung bình 3,45% mỗi năm. Con số này tiếp tục tăng lên 4,3% mỗi năm trong giai đoạn 2011 - 2015, và đến giai đoạn 2016 - 2020, mức tăng trung bình đạt 5,8% mỗi năm. Đặc biệt, năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong giai đoạn 2016 - 2020 đóng góp trung bình khoảng 45,2% vào tăng trưởng, vượt xa mục tiêu ban đầu là 30 - 35%. So với các quốc gia trong khu vực, Việt Nam được xếp vào nhóm nước có tốc độ tăng năng suất lao động nhanh.

*Thứ năm*, cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực.Tỷ trọng các ngành trong nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chuyển đổi, với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm dần, trong khi công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng trưởng ổn định. Từ một nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp, hiện nay khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ còn chiếm 14,85% GDP vào năm 2020, giảm 1,47 điểm phần trăm so với năm 2016. Ngược lại, khu vực công nghiệp và xây dựng đã tăng lên 33,72%, tăng 1 điểm phần trăm, và khu vực dịch vụ cũng tăng lên 41,63%, tăng thêm 0,71 điểm phần trăm, cho thấy nền kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

*Thứ sáu,* công tác an sinh xã hội đã được triển khai hiệu quả.Việc thực hiện an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững đã nhận được sự chú trọng và chỉ đạo mạnh mẽ. Các địa phương đã triển khai nhiều giải pháp toàn diện nhằm hỗ trợ hộ nghèo.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng cũng được nâng cao. Hệ thống y tế đã được cải thiện thông qua việc kết nối trực tuyến với các cơ sở y tế ở cấp huyện và tỉnh, giúp người dân tiếp cận dịch vụ y tế kịp thời và thuận lợi hơn. Đồng thời, chính phủ khuyến khích nghiên cứu và sản xuất vắc-xin, thuốc và các sản phẩm y tế trong nước. Trong lĩnh vực giáo dục, Việt Nam hiện đứng trong top 10 hệ thống giáo dục đổi mới hàng đầu thế giới. Ngoài ra, các chính sách liên quan đến dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, người cao tuổi, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và thúc đẩy quyền lợi của phụ nữ cũng đã được quan tâm sâu sắc. Thể thao thành tích cao cũng ghi nhận nhiều thành tựu ấn tượng.

*Thứ bảy*, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam ngày càng trở nên sâu rộng. Gần bốn thập kỷ đổi mới cũng chính là giai đoạn Việt Nam tích cực tham gia vào hội nhập kinh tế toàn cầu trên nhiều cấp độ và với các hình thức đa dạng, phù hợp với nguyên tắc và tiêu chuẩn của thị trường quốc tế. Việt Nam đã thiết lập nhiều quan hệ đối tác chiến lược trong lĩnh vực kinh tế. Kể từ khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Việt Nam đã xây dựng quan hệ đối tác chiến lược và toàn diện với nhiều quốc gia, bao gồm tất cả các nước thuộc nhóm P5 (Mỹ, Nga, Trung Quốc, Pháp, Anh) và hầu hết các quốc gia quan trọng khác trong khu vực và trên toàn cầu. Hiện nay, hơn 70 quốc gia đã công nhận Việt Nam là một nền kinh tế thị trường. Việt Nam cũng tham gia một cách tích cực và có trách nhiệm trong các tổ chức quốc tế như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và các cơ quan của Liên hợp quốc, góp phần nâng cao vị thế và vai trò của đất nước trong khu vực, được cộng đồng quốc tế tôn trọng.

*Cuối cùng*, các thể chế kinh tế thị trường đang dần được hoàn thiện hơn.Cùng với việc xây dựng khung pháp lý cho nền kinh tế thị trường, các thể chế thị trường tại Việt Nam cũng đang từng bước được cải thiện. Việt Nam đã từ bỏ cơ chế quản lý tập trung, bao cấp, tiến tới chấp nhận các mối quan hệ hàng hóa và tiền tệ, đồng thời phát triển nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu và thành phần kinh tế. Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là cơ cấu kinh tế chủ yếu của đất nước trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đảng cũng đã nhấn mạnh việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một trong ba đột phá chiến lược cho sự phát triển của đất nước.

### 1.3.2. Hạn chế

*Thứ nhất*, mục tiêu biến Việt Nam thành một quốc gia công nghiệp hiện đại vào năm 2020 đã không đạt được, với nhiều chỉ tiêu quan trọng không được hoàn thành. Các tiêu chí như GDP bình quân đầu người, tỷ trọng công nghiệp chế biến, tỷ trọng nông nghiệp trong GDP, tỷ lệ lao động trong ngành nông nghiệp so với tổng lao động xã hội, tỷ lệ đô thị hóa, điện tiêu thụ bình quân đầu người, chỉ số bất bình đẳng về thu nhập, tỷ lệ lao động được đào tạo, và tỷ lệ dân số có nước sạch sử dụng đều không đạt yêu cầu. Tốc độ tăng trưởng kinh tế không đạt được các mục tiêu chiến lược đã đề ra và có dấu hiệu giảm dần theo chu kỳ 10 năm; có khả năng rơi vào tình trạng tụt hậu và mắc kẹt trong bẫy thu nhập trung bình.

Thực tế cho thấy, trong giai đoạn 1991-2000, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt 7,6% mỗi năm, nhưng trong giai đoạn 2001-2010, con số này giảm xuống còn 6,6% hàng năm. Đến giai đoạn 2011-2020, mức tăng trưởng bình quân chỉ còn 6,17% mỗi năm. Mức thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam vẫn nằm trong nhóm các quốc gia đang phát triển với thu nhập trung bình thấp, và khoảng cách giữa thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam so với các nước trong khu vực vẫn còn rất lớn, khó có thể thu hẹp, đồng thời thấp hơn nhiều so với mức thu nhập bình quân toàn cầu, hiện đang ở mức trên 10.000 USD.

*Thứ hai*, sức mạnh nội tại của nền kinh tế vẫn còn yếu kém, với năng suất lao động thấp và quá trình cải thiện diễn ra chậm. Năng lực tự chủ và độc lập cũng ở mức thấp, nền kinh tế vẫn phụ thuộc nhiều vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Khu vực kinh tế tư nhân trong nước chưa thể hiện rõ vai trò là động lực quan trọng cho quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Doanh nghiệp nhà nước gặp phải nhiều vấn đề và hạn chế, trong khi việc đổi mới và nâng cao hiệu quả của kinh tế tập thể vẫn gặp nhiều khó khăn.

Phân tích cấu trúc liên ngành theo mô hình I-O cho thấy nền kinh tế Việt Nam chủ yếu là nền kinh tế tiêu tốn nhiều vốn; các hoạt động gia công và lắp ráp vẫn chiếm ưu thế. Sự chênh lệch giữa Tổng sản phẩm trong nước (GDP) và Tổng thu nhập quốc gia (GNI) ngày càng nới rộng trong những năm gần đây. Cụ thể, trong giai đoạn 2006-2010, GNI trung bình đạt khoảng 96,6% GDP; giai đoạn 2011-2015 giảm xuống 95,46%; và giai đoạn 2016-2020 chỉ còn 94,13%. Khả năng tự chủ của nền kinh tế chịu tác động lớn từ sự biến động trong hoạt động sản xuất của khu vực đầu tư nước ngoài và một số thị trường lớn. Việt Nam vẫn phải nhập khẩu phần lớn công nghệ, máy móc thiết bị, phụ tùng và nguyên liệu chính phục vụ cho sản xuất công nghiệp; hơn 70% máy móc và thiết bị phục vụ cho nông nghiệp cũng phải nhập khẩu. Ngoài ra, một số giống cây trồng và vật nuôi cũng còn phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu, như 80% giống rau, hoa và 60% giống ngô.

*Thứ ba*, quá trình đô thị hóa chưa được liên kết chặt chẽ và đồng bộ với các chính sách công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Tỷ lệ đô thị hóa hiện tại thấp hơn các mục tiêu đã đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020, và khoảng cách giữa Việt Nam với mức trung bình của khu vực và thế giới vẫn còn lớn. Chất lượng đô thị hóa chưa đạt yêu cầu; sự phát triển đô thị chủ yếu diễn ra theo chiều rộng, dẫn đến lãng phí tài nguyên đất và mức độ tập trung kinh tế còn hạn chế. Cơ sở hạ tầng đô thị và chất lượng của nó chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển của dân số và nền kinh tế khu vực đô thị; bên cạnh đó, cũng chưa có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và ứng phó với các dịch bệnh quy mô lớn. Môi trường sống tại các đô thị lớn ngày càng ô nhiễm và có những diễn biến phức tạp. Hơn nữa, khả năng tiếp cận các dịch vụ công và phúc lợi xã hội của người nghèo và người lao động di cư tại các đô thị vẫn còn hạn chế và gặp nhiều khó khăn.

*Thứ tư*, ngành công nghiệp đang phát triển một cách không bền vững với giá trị gia tăng thấp và chưa tham gia một cách sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu cũng như khu vực; các lĩnh vực công nghiệp chủ chốt, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, và công nghiệp hỗ trợ còn nhiều hạn chế, trong khi sự phát triển của công nghiệp thông minh vẫn còn chậm chạp. Tỉ trọng của các ngành dịch vụ quan trọng vẫn còn khiêm tốn, và mối liên kết giữa các ngành dịch vụ và sản xuất còn yếu. Quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, xã hội số mới chỉ đạt được một số kết quả ban đầu, nhưng vẫn còn khoảng cách lớn so với các quốc gia khác và các mục tiêu đã đề ra. Kết quả của công nghiệp hóa và hiện đại hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn cũng không mấy khả quan; tổ chức sản xuất chủ yếu vẫn phụ thuộc vào các hộ nông dân nhỏ lẻ và thiếu sự liên kết, không đáp ứng được yêu cầu của nền nông nghiệp hiện đại. Việc nghiên cứu, áp dụng công nghệ khoa học và đổi mới sáng tạo, cũng như đào tạo nguồn nhân lực còn hạn chế, chưa trở thành động lực chính để tạo ra sự phát triển đột phá; nhiều giống cây trồng, vật nuôi và vật tư nông nghiệp vẫn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu. Ngoài ra, việc thu hút đầu tư cho phát triển nông nghiệp và dịch vụ ở nông thôn gặp nhiều trở ngại. Ngành công nghiệp cơ khí phục vụ cho nông nghiệp và chế biến nông sản vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu; công tác cơ giới hóa trong nông nghiệp chưa đồng bộ, và tình trạng tổn thất sau thu hoạch vẫn còn ở mức cao.

**1.4. Một số giải pháp đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở**

**Việt Nam thời kỳ đổi mới.**

Trong bối cảnh Việt Nam đang hướng tới mục tiêu trở thành một quốc gia công nghiệp theo hướng hiện đại, việc đưa ra giải pháp để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trở thành một nhiệm vụ hết sức quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

#### Thứ nhất,đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Để tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021-2030, cần đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt. Nội dung cốt lõi của sự nghiệp này là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học-công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh. Việc chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp sẽ tập trung vào các ngành có tính nền tảng và công nghệ cao, đồng thời chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên sang các ngành công nghiệp xanh và phát thải các-bon thấp. Ngành nông nghiệp và dịch vụ cũng sẽ được cơ cấu lại dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại và phát triển dịch vụ mới có giá trị gia tăng cao. Giai đoạn 2031-2045 sẽ chú trọng nâng cao chất lượng công nghiệp hóa và hiện đại hóa toàn diện. Để đạt được các mục tiêu này, cần nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, doanh nghiệp và người dân, gắn kết các mục tiêu với luật pháp, chính sách và quy hoạch quốc gia. Hệ thống quản lý nhà nước sẽ được phân công, phân cấp rõ ràng, nâng cao năng lực dự báo, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả và tăng cường kiểm tra, giám sát trách nhiệm của các cấp trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

*Thứ hai, x*ây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Để thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần đẩy nhanh thể chế hóa các nghị quyết của Đảng liên quan đến lĩnh vực này, ưu tiên xây dựng hệ thống pháp luật chuyên ngành cho phát triển công nghiệp, bao gồm công nghiệp công nghệ số và công nghiệp quốc phòng. Cần hoàn thiện các cơ chế và chính sách cho chuyển đổi năng lượng xanh, phát triển khoa học-công nghệ, và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, cần có chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp mũi nhọn và nền tảng. Cùng với đó, phải xây dựng khung pháp luật cho kinh tế số và chính phủ số, và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thử nghiệm công nghệ mới. Đổi mới chính sách đất đai, tín dụng và thu hút đầu tư cũng là điều cần thiết để hỗ trợ công nghiệp hóa nông nghiệp. Hơn nữa, cần hoàn thiện các luật chuyên ngành liên quan đến du lịch, thương mại, và các dịch vụ mới trong nền kinh tế số, đồng thời có chính sách vượt trội để phát triển trung tâm du lịch và đổi mới sáng tạo. Để phát triển kết cấu hạ tầng, cần tạo ra các cơ chế thí điểm và phân cấp trong huy động và sử dụng nguồn lực. Cuối cùng, cần hoàn thiện tiêu chí và chính sách thu hút đầu tư phù hợp với chiến lược phát triển, tạo điều kiện cho các dự án lớn và công nghệ cao, đồng thời cải thiện khung pháp luật cho hoạt động đầu tư ra nước ngoài và mua bán, sáp nhập doanh nghiệp.

*Thứ ba, x*ây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, tự lực, tự cường; nâng cao năng lực ngành xây dựng

Để thúc đẩy phát triển công nghiệp quốc gia, cần thực hiện nhanh chóng các chủ trương của Đảng về xây dựng chính sách công nghiệp, bao gồm cơ cấu lại ngành công nghiệp và điều chỉnh phân bố không gian phát triển gắn với các vùng động lực. Cần hình thành các vùng công nghiệp, cụm liên kết ngành, đồng thời triển khai quy hoạch vùng nguyên liệu cho các ngành dệt may, da giày và chế biến nông sản. Chương trình quốc gia "Make in Vietnam 2045" sẽ tập trung vào nâng cao năng lực tự chủ về nguyên liệu và công nghệ, khuyến khích đầu tư vào công nghệ cao và các ngành công nghiệp phát thải các-bon thấp. Các ngành công nghiệp mũi nhọn như sản xuất rô-bốt, ô-tô, và công nghiệp sinh học sẽ được chú trọng phát triển. Ngoài ra, cần phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng hiện đại và liên kết chặt chẽ với công nghiệp dân sinh. Cũng cần xây dựng chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt trong các lĩnh vực điện tử, ô-tô và nông nghiệp công nghệ cao, khuyến khích doanh nghiệp FDI chuyển giao công nghệ. Hệ thống khu công nghiệp hiện đại quy mô lớn sẽ được hình thành, kết hợp với khu công nghiệp nhỏ và vừa để phát triển công nghiệp tại khu vực nông thôn. Cuối cùng, cần nâng cao năng lực ngành xây dựng và phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng theo hướng hiện đại, hạn chế sử dụng tài nguyên không hiệu quả và ưu tiên vật liệu xanh.

*Thứ tư,* đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo

Để thực hiện hiệu quả nghị quyết về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, cần ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp và nông thôn, bao gồm hạ tầng thủy lợi, giao thông và thương mại, đồng thời xây dựng hạ tầng số cho nông nghiệp. Hình thành các khu, cụm công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp, khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí, hóa chất và công nghệ sinh học phục vụ chế biến nông sản. Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa lớn gắn với chế biến và thị trường, thực hiện cơ giới hóa và tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị. Cần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp để xây dựng nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025. Ngoài ra, cần phát triển mạnh các ngành dịch vụ công nghệ cao như du lịch, thương mại và logistics, đồng thời hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng và giáo dục. Hình thành các trung tâm dịch vụ tầm cỡ khu vực và quốc tế, đặc biệt tại Thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị tiềm năng.

*Thứ năm,* phát triển khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Để thực hiện chủ trương phát triển khoa học-công nghệ và đổi mới sáng tạo, cần tăng cường đầu tư cho lĩnh vực này, phấn đấu đạt tỷ lệ chi từ ngân sách nhà nước cho nghiên cứu và phát triển vào năm 2030 tương đương với nhóm 3 nước đứng đầu ASEAN. Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo cần được phát triển trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, với sự dẫn dắt của các doanh nghiệp lớn, tập trung vào những ngành có giá trị xuất khẩu cao. Các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia và địa phương, cùng với các vườn ươm công nghệ, cần được hình thành để tích hợp các cụm liên kết đổi mới sáng tạo. Cần thực hiện các chính sách thí điểm và rà soát các chương trình khoa học-công nghệ, đồng thời nâng cấp cơ chế vận hành của các phòng thí nghiệm nhà nước. Việc phát triển nguồn nhân lực cũng cần được chú trọng, bao gồm đào tạo kỹ năng về khoa học-công nghệ và hình thành các chương trình thu hút nhân tài. Quan tâm đến lao động nông thôn và phát triển nền tảng dạy học trực tuyến mở sẽ hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi số trong giáo dục.

*Thứ sáu,*Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại, cần ưu tiên phát triển các công trình hạ tầng trọng điểm quốc gia và vùng, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông, năng lượng, và hạ tầng xã hội như y tế và giáo dục, đồng thời thích ứng với biến đổi khí hậu. Mục tiêu phát triển hệ thống đường bộ cao tốc đạt 5.000km vào năm 2030, cùng với việc cải tạo và nâng cấp hạ tầng đường sắt, bao gồm đầu tư xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc-Nam và các tuyến đường sắt đô thị tại các thành phố lớn. Cần đẩy nhanh danh mục các dự án kêu gọi đầu tư hạ tầng giao thông giai đoạn 2021-2030, cùng với việc xây dựng cơ chế quản lý và khai thác kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng xã hội hóa. Phát triển hạ tầng thông tin và hạ tầng số phải được ưu tiên, bảo đảm an toàn thông tin mạng. Mô hình đô thị bền vững cần hướng tới đô thị xanh, thông minh, kết nối cao, và gắn với quá trình công nghiệp hóa. Cần khuyến khích phát triển mô hình khu công nghiệp-đô thị-dịch vụ, đặc biệt ở các khu vực có mật độ dân số cao, và điều chỉnh tiêu chí cho nông thôn mới hướng tới tiêu chí đô thị sinh thái.

*Thứ bảy,* Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Việt Nam cần thực hiện quyết liệt và đồng bộ các chủ trương của Đảng nhằm cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển doanh nghiệp tư nhân và thu hút đầu tư nước ngoài (FDI). Việc xây dựng và triển khai định hướng phát triển cho các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước và tư nhân có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có năng lực cạnh tranh quốc tế là rất quan trọng để họ có thể đóng vai trò dẫn dắt trong các lĩnh vực chủ chốt của công nghiệp hóa, hiện đại hóa như năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, viễn thông và hạ tầng.

Bên cạnh đó, cần tăng cường cơ chế đặt hàng và giao nhiệm vụ cho các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong nước có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, đồng thời chú trọng đến chính sách mua sắm công và các biện pháp nâng cao năng lực cho doanh nghiệp trong nước. Việc phân cấp, phân quyền thu hút FDI giữa Trung ương và địa phương cũng cần dựa trên các tiêu chí chất lượng, ưu tiên dự án công nghệ cao, đảm bảo tiêu chuẩn môi trường và tạo việc làm cho lao động có kỹ năng. Các dự án FDI nên được gắn với yêu cầu chuyển giao công nghệ, tri thức và quản trị để nâng cao tỷ lệ nội địa hóa.

Ngoài ra, việc đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể cũng cần được chú trọng, với hợp tác xã là nòng cốt. Việc phát triển các tổ chức kinh tế tập thể cần gắn với nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn để góp phần vào quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

*Thứ tám,* Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường trong nước.

Để tăng cường quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời kỳ đổi mới, Việt Nam cần khai thác và sử dụng tài nguyên hiệu quả, kết hợp phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển quốc gia, trên cơ sở đánh giá toàn diện về lợi ích và chi phí kinh tế. Cùng với đó, cần nhanh chóng xây dựng cơ chế phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và thiết lập thị trường tín chỉ các-bon, đồng thời ưu tiên phát triển mạnh công nghiệp tái chế và công nghiệp tái tạo. Cần quản lý chặt chẽ việc sử dụng quặng và chất thải chứa kim loại màu, đất hiếm, đồng thời xây dựng chiến lược khai thác và chế biến các khoáng sản có giá trị cao và lợi thế cạnh tranh. Phát triển công nghiệp sử dụng chất thải rắn, chất thải công nghiệp và tái chế chất thải xây dựng là một bước đi quan trọng.

Ngoài ra, việc phát triển ngành công nghiệp môi trường cần được đẩy mạnh với sự mở rộng mua sắm chính phủ cho các sản phẩm thân thiện với môi trường và khuyến khích các dịch vụ phục hồi hệ sinh thái. Cần thực hiện việc chứng nhận nhãn sinh thái, hiệu quả năng lượng cho các sản phẩm trong công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải, cũng như giảm dần và tiến tới loại bỏ sản phẩm nhựa dùng một lần. Các mô hình sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, tái chế, tái sử dụng chất thải cần được thí điểm và nhân rộng theo đặc thù từng ngành và từng vùng.

Việt Nam cũng cần tích cực triển khai các hoạt động ngoại giao kinh tế, tận dụng quan hệ với các đối tác chiến lược để hỗ trợ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt trong các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp xanh và bền vững. Đồng thời, cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống phòng vệ kinh tế để bảo vệ nền kinh tế và thị trường trong nước, phù hợp với các cam kết quốc tế.

## 

# CHƯƠNG 2: TRÁCH NHIỆM VÀ NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI.

**2.1.  Nêu nhận thức của sinh viên về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt**

**Nam thời kỳ đổi mới.**

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một quá trình tất yếu và đóng vai trò rất quan trọng, có thể xem là then chốt trong sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Thời kỳ đổi mới (bắt đầu từ năm 1986) đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, mang lại nhiều thành tựu nhưng cũng đặt ra không ít thách thức.

*Thứ nhất*, Công nghiệp hóa, hiện đại hoá đã mang lại những thay đổi tích cực to lớn cho nền kinh tế Việt Nam. Ví dụ, trong những năm gần đây, sự phát triển của các khu công nghiệp như Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh và Khu công nghiệp Bắc Ninh đã thu hút nhiều tập đoàn công nghệ lớn như Samsung, Intel và LG đầu tư vào Việt Nam. Điều này không chỉ mang lại việc làm cho hàng nghìn lao động mà còn góp phần chuyển giao công nghệ, giúp Việt Nam dần tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng ngày càng được hiện đại hóa, với các dự án quan trọng như cao tốc Bắc – Nam, sân bay Long Thành đang triển khai, và các tuyến metro tại TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội. Những dự án này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông, thúc đẩy thương mại, dịch vụ, và du lịch, từ đó đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của đất nước. Nhờ vậy, đời sống của người dân ngày càng được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người tăng lên đáng kể.

*Thứ hai*, quá trình Công nghiệp hóa, hiện đại hoá còn giúp cải thiện cơ sở hạ tầng, từ giao thông, năng lượng, đến các khu công nghiệp và dịch vụ. Những công trình như hệ thống đường cao tốc, cảng biển, và các khu công nghệ cao đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự giao thương và thu hút đầu tư nước ngoài, từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững. Chẳng hạn, các khu công nghiệp như Khu công nghiệp Tân Tạo ở TP. Hồ Chí Minh hay Khu công nghiệp Hòa Khánh ở Đà Nẵng đã thu hút nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo ra hàng nghìn việc làm và cải thiện đáng kể thu nhập cho người lao động. Cơ sở hạ tầng cũng ngày càng hiện đại, từ các tuyến đường cao tốc như cao tốc Hà Nội – Hải Phòng đến các sân bay quốc tế như Nội Bài và Tân Sơn Nhất, giúp tăng cường kết nối giữa các vùng miền và thúc đẩy thương mại, du lịch, giao lưu kinh tế, tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, Công nghiệp hóa, hiện đại hoá cũng kèm theo với nhiều thách thức. Một trong những vấn đề lớn là sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền. Trong khi các thành phố lớn như Hà Nội và TP.HCM phát triển nhanh chóng, nhiều vùng nông thôn vẫn còn phải đối mặt với khó khăn, thiếu thốn về cơ sở hạ tầng, dịch vụ.Ví dụ, trong khi các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh phát triển mạnh mẽ, các tỉnh miền núi phía Bắc như Hà Giang, Sơn La vẫn còn khó khăn về hạ tầng và điều kiện sống. Bên cạnh đó, áp lực từ quá trình công nghiệp hóa cũng gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, với những vấn đề như ô nhiễm không khí ở các khu công nghiệp, ô nhiễm nước ở các con sông lớn như sông Đồng Nai, sông Thị Vải do chất thải công nghiệp. Điều này đặt ra yêu cầu về phát triển bền vững, trong đó cần có sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, đảm bảo một xã hội phát triển hài hòa và cân bằng.

Ngoài ra, ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên thiên nhiên cũng là những vấn đề đáng lo ngại mà quá trình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa mang lại. Việc khai thác tài nguyên một cách thiếu bền vững đã gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cho môi trường, ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của người dân và chất lượng cuộc sống của người dân.

Nhận thức cá nhân của tôi về Công nghiệp hóa, hiện đại hoá ở Việt Nam thời kỳ đổi mới là một bước đi cần thiết và quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, để phát triển bền vững, Việt Nam cần chú trọng hơn đến việc bảo vệ môi trường, cân bằng sự phát triển giữa các vùng miền và đảm bảo lợi ích cho tất cả các tầng lớp xã hội. Chỉ khi làm được điều đó, Công nghiệp hóa, hiện đại hoá mới thực sự mang lại sự bền vững và tươi đẹp cho người dân.

**2.2. Trách nhiệm của sinh viên về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới.**

Sinh viên, với vai trò là lực lượng tri thức trẻ và là động lực phát triển của đất nước, đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới. Trước hết, sinh viên cần xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc học tập, rèn luyện để trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Điều này đòi hỏi sinh viên không chỉ học tốt kiến thức chuyên ngành mà còn phải tích cực trau dồi các kỹ năng mềm như tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng ngoại ngữ để sẵn sàng hội nhập vào môi trường quốc tế.

Bên cạnh đó, sinh viên cần chú trọng đến việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào thực tiễn, đặc biệt trong các lĩnh vực then chốt như công nghệ thông tin, tự động hóa, năng lượng tái tạo và quản lý tài nguyên. Sự chủ động này không chỉ giúp tăng năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm mà còn góp phần đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn của quốc gia. Sinh viên nên tham gia các dự án nghiên cứu khoa học, các cuộc thi về khởi nghiệp sáng tạo và công nghệ để rèn luyện tư duy đổi mới, tìm kiếm những giải pháp hiệu quả cho các vấn đề cấp thiết của xã hội.

Ngoài việc học tập và nghiên cứu, sinh viên còn cần nhận thức rõ ràng về vai trò của mình trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Trong bối cảnh ô nhiễm và biến đổi khí hậu đang trở thành thách thức lớn, sinh viên cần có ý thức trách nhiệm cao trong việc sử dụng tài nguyên tiết kiệm, giảm thiểu chất thải, và tham gia các phong trào bảo vệ môi trường. Đồng thời, sinh viên có thể góp phần lan tỏa lối sống xanh, khuyến khích cộng đồng xung quanh thực hiện các hành vi thân thiện với môi trường, nhằm xây dựng một nền kinh tế phát triển hài hòa với thiên nhiên.

Sinh viên cũng cần chủ động tham gia vào các phong trào, hoạt động cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội văn minh, giàu bản sắc văn hóa. Các hoạt động tình nguyện, các chương trình giao lưu văn hóa, và các phong trào xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh giúp sinh viên rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần đoàn kết, và lòng yêu nước. Việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống cùng với tinh thần hội nhập quốc tế sẽ giúp sinh viên trở thành những công dân toàn cầu, góp phần xây dựng hình ảnh đất nước Việt Nam hiện đại, phát triển và giàu bản sắc.

Cuối cùng, việc xây dựng tư duy khởi nghiệp và tham gia các phong trào đổi mới sáng tạo cũng là một cách để sinh viên góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sinh viên có thể nghiên cứu, thử nghiệm các mô hình kinh doanh mới, phát triển các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, từ đó góp phần tạo ra nhiều giá trị mới cho nền kinh tế. Chính những nỗ lực trong học tập, sáng tạo, và trách nhiệm xã hội sẽ giúp sinh viên không chỉ phát triển bản thân mà còn góp phần trực tiếp vào sự nghiệp phát triển bền vững của Việt Nam.

# 

# 

# KẾT LUẬN

Nhìn chung, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Các ngành công nghiệp then chốt được mở rộng, hệ thống cơ sở hạ tầng dần hoàn thiện, và đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, quá trình này vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sự phụ thuộc vào công nghệ nước ngoài, chưa tận dụng hiệu quả nguồn tài nguyên và nhân lực trong nước, cũng như các thách thức về ô nhiễm môi trường và bất bình đẳng xã hội. Để tiếp tục tiến xa hơn, Việt Nam cần có những chiến lược đồng bộ và toàn diện hơn, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng. Chỉ khi khắc phục được các hạn chế này, công nghiệp hóa, hiện đại hóa mới thực sự trở thành động lực thúc đẩy đất nước phát triển toàn diện và hội nhập quốc tế vững chắc.

# 

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luật Minh Khuê(2023).*Công nghiệp hóa hiện đại hóa là gì? Có ý nghĩa, nội dung và vai trò gì?*.Truy cập ngày 30/10/2024 tại:https://luatminhkhue.vn/cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-la-gi.aspx#1-cong-nghiep-hoa-la-gi-hien-dai-hoa-la-gi

[2]. Báo nhân dân. *Chủ trương, đường lối của Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.* Truy cập ngày 25/10/2024 tại: https://nhandan.vn/chu-truong-duong-loi-cua-dang-ve-tiep-tuc-day-manh-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-post728965.html

**[3].**Ban Chấp hành Trung ương(2022).*Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*